



# VỀ HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

THS. NGUYỄN THỊ THUẬN - Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải; Email: thuannt@utt.edu.vn

**Báo cáo tài chính được coi là một bức tranh toàn diện về tình hình tài chính, khả năng và sức mạnh của một doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định. Do vậy, báo cáo tài chính là nguồn thông tin chủ yếu và quan trọng cung cấp cho quản trị tài chính, phục vụ các loại quyết định quản trị tài chính của nhà quản trị doanh nghiệp. Bài viết trao đổi về các chỉ tiêu phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp hiện nay nhằm giúp các nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt.**

Từ khóa: Báo cáo tài chính, hệ thống chỉ tiêu, doanh nghiệp.

*Financial statement has been considered a mosaic of financial status, power and capacity of an enterprise at a specific moment. Therefore, financial statement is a major and vital information provided to the financial managers and for financial strategic decision making. This paper discusses the analytical indicators of financial statements of enterprises in attempt to helping managers with correct decisions in the context of intensive competition.*

*Keywords: Financial statement, indicators system, enterprise*

Ngày nhận bài: 09/09/2017

Ngày hoàn thiện biên tập: 29/9/2017

Ngày duyệt đăng: 30/9/2017

**T**rong phân tích tài chính doanh nghiệp (DN), phân tích báo cáo tài chính (BCTC) đóng vai trò quan trọng nhất. Phân tích BCTC cung cấp các thông tin tài chính rõ ràng nhất về tình hình tài chính, tình hình vốn, công nợ... cho nhà quản trị DN kịp thời đưa ra các quyết định điều hành. Do vậy, phân tích hệ thống chỉ tiêu phân tích BCTC là hoạt động không thể thiếu của bất kỳ DN nào muốn thắng thế trong cạnh tranh và phát triển trong nền kinh tế thị trường. Trong đó, cần chú ý một số nội dung đề sau:

## Cơ cấu vốn và nguồn vốn

Khi phân tích cơ cấu nguồn vốn của DN trước

hết phải xác định tỷ trọng của từng loại nguồn vốn chiếm trong tổng số của nó ở cả thời điểm đầu năm (năm trước) và cuối kỳ (năm nay). Thông qua so sánh giữa cuối kỳ và đầu năm, cả về số tiền, tỷ trọng, sẽ khái quát đánh giá được sự phân bố của nguồn vốn có hợp lý hay không, sau đó kết luận chính xác hơn về cơ cấu nguồn vốn của DN, từ đó giúp nhà quản trị DN đưa ra các quyết định thích hợp, kịp thời trong quản lý nguồn vốn. Mặt khác, nhà phân tích nên có những đánh giá về cơ cấu nguồn vốn tổng quát cũng như một số thành phần vốn quan trọng của DN như:

Tỷ lệ nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu = Tổng nợ phải trả/Tổng vốn chủ sở hữu. (1)

Trong đó, chỉ tiêu (1) là chỉ tiêu phản ánh tổng quát nhất về cơ cấu nguồn vốn của DN. Chỉ tiêu này càng cao thể hiện cơ cấu nguồn vốn càng rủi ro của DN.

Tỷ lệ vay ngắn hạn/Tổng nguồn vốn = Tổng vay ngắn hạn/Tổng nguồn vốn. (2)

Tỷ lệ nợ phải trả người bán/Tổng nguồn vốn = Tổng nợ phải trả người bán/Tổng nguồn vốn. (3)

Tỷ lệ nợ ngắn hạn/Tổng nợ phải trả = Tổng nợ ngắn hạn/Tổng nợ phải trả. (4)

Chỉ tiêu (2), (3), (4) cho phép nhà phân tích đánh giá về nhu cầu tiền và các nguồn tài trợ trong ngắn hạn của DN. Nếu các chỉ tiêu này cao thể hiện hoạt động kinh doanh của DN phụ thuộc nhiều vào việc tài trợ vốn ngắn hạn, đồng thời, cũng thể hiện nhu cầu thanh toán trong ngắn hạn của DN lớn. Thông qua tỷ trọng của từng nguồn vốn nói trên, có thể đánh giá được sự lệ thuộc về tài chính hay ngược lại là sự tự chủ về tài chính của DN.

## Khả năng thanh toán ngắn hạn, dài hạn

Khả năng thanh toán ngắn hạn là năng lực đáp

ứng các nghĩa vụ thanh toán trong thời gian ngắn của DN (trong thời hạn dưới 12 tháng kể từ ngày ghi nhận gần nhất trên Bảng cân đối kế toán). Ngược lại, khả năng thanh toán dài hạn là năng lực đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán trên 12 tháng của DN. Chỉ số đo lường khả năng thanh toán phổ biến nhất là: thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh.

Chỉ số thanh toán ngắn hạn = Tổng tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn.

Chỉ số thanh toán nhanh = Tài sản nhanh/Tổng nợ ngắn hạn.

Sự khác biệt giữa nợ ngắn hạn và nợ dài hạn là khả năng thanh toán lãi vay và mức độ rủi ro tài chính. Trong đó, một số chỉ tiêu nhà quản trị DN cần quan tâm khi phân tích khả năng thanh toán dài hạn như sau:

Hệ số khả năng thanh toán lãi vay = Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)/Chi phí lãi vay.

Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản.

Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu = Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu.

Hệ số thanh toán tài sản dài hạn đối với nợ dài hạn = Tài sản dài hạn/Nợ dài hạn

Các chỉ tiêu hệ số nợ, hệ số tài trợ hay hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu đều thể hiện mức độ rủi ro tài chính mà các chủ nợ phải gánh chịu. Nếu hệ số nợ và hệ số nợ phải trả vốn chủ sở hữu cao, thể hiện mức độ rủi ro tài chính lớn, vì vậy, khả năng thanh toán gốc nợ vay dài hạn sẽ kém. Ngoài ra, các chỉ tiêu này còn thể hiện khả năng bảo vệ cho các chủ nợ trong trường hợp DN mất khả năng thanh toán. Trong khi đó, chỉ tiêu hệ số thanh toán của tài sản dài hạn càng cao thì các khoản nợ dài hạn càng được bảo đảm an toàn.

### **Khả năng sinh lời**

Một DN có khả năng sinh lời khi và chỉ khi năng lực tạo lợi nhuận của DN lớn hơn mức mà nhà đầu tư có thể tự tạo ra trên thị trường vốn.

- *Tỷ suất sinh lời của vốn*: Chỉ tiêu này cho biết khả năng sinh lời thực sự của vốn trong kỳ hoạt động hoặc kỳ vọng cho kỳ tới. Chỉ tiêu này mà cao mức độ an toàn trong hoạt động kinh doanh được bảo đảm, chỉ tiêu này thấp, độ rủi ro cao.

- *Tỷ suất sinh lời của doanh thu*: Chỉ tiêu này cho biết sau một kỳ hoạt động hoặc kỳ vọng cho kỳ tới, DN thu được 100 đồng doanh thu hoặc doanh thu thuần thì trong đó có bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu này thể hiện trình độ kiểm soát chi phí của các nhà quản trị và tình hình mở rộng thị trường.

- *Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu*: Chỉ tiêu này cho biết khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu trong kỳ hoạt động hoặc kỳ vọng cho kỳ tới. Nếu

chỉ tiêu này cao, các nhà quản trị có thể phát hành thêm cổ phiếu, huy động thêm vốn góp đầu tư cho hoạt động kinh doanh. Nếu thấp khi đó dấu hiệu rủi ro tài chính xuất hiện, nguy cơ phá sản có thể xảy ra.

### **Hiệu quả kinh doanh**

Hiệu quả kinh doanh được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, chủ yếu được tiến hành thông qua phân tích, xem xét sự biến động của từng chỉ tiêu trên các kết quả hoạt động kinh doanh giữa kỳ này với kỳ trước dựa vào việc so sánh cả về số lượng tuyệt đối và tương đối trên từng chỉ tiêu giữa kỳ này với kỳ trước. Sau khi tiến hành phân tích số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh, cần phải tiến hành tính toán, phân tích các chỉ tiêu phản ánh mức độ sử dụng các khoản chi phí, các chỉ tiêu phản ánh kết quả kinh doanh của DN, cụ thể:

*Thứ nhất*, nhóm chỉ tiêu phản ánh mức độ sử dụng chi phí:

- Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần. Chỉ tiêu này cho biết trong tổng số doanh thu thuần thu được, trị giá vốn hàng bán chiếm bao nhiêu %. Chỉ tiêu này càng nhỏ cho thấy, việc quản lý các khoản chi phí trong giá vốn hàng bán càng tốt và ngược lại.

Tỷ suất giá vốn bán hàng trên doanh thu thuần = (Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần) × 100.

- Tỷ suất chi phí bán hàng trên doanh thu thuần. Chỉ tiêu này phản ánh để thu được 100 đồng doanh thu thuần, DN phải bỏ ra bao nhiêu chi phí bán hàng. Chỉ tiêu này càng nhỏ chứng tỏ DN tiết kiệm được chi phí bán hàng và kinh doanh có hiệu quả và ngược lại.

Tỷ suất chi phí bán hàng trên doanh thu thuần = (Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần) × 100.

- Tỷ suất chi phí quản lý trên doanh thu thuần. Chỉ tiêu này cho biết, để thu được 100 đồng doanh thu thuần, thì DN phải bỏ ra bao nhiêu chi phí quản lý DN. Chỉ tiêu này càng nhỏ cho thấy hiệu quả quản lý các khoản chi phí quản trị DN càng cao và ngược lại.

Tỷ suất chi phí quản lý DN trên doanh thu thuần = (Chi phí quản lý/Doanh thu thuần) × 100.

*Thứ hai*, nhóm chỉ tiêu phản ánh kết quả kinh doanh:

- Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần: Chỉ tiêu này phản ánh kết quả của hoạt động kinh doanh và cho biết, cứ 100 đồng doanh thu thuần sinh ra bao nhiêu đồng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.

Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần = (Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần) × 100.



- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần: Chi tiêu này phản ánh kết quả của các hoạt động DN tiến hành và cho biết cứ 100 đồng doanh thu thuần có bao nhiêu lợi nhuận trước thuế.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần =  $(\text{Lợi nhuận trước thuế}/\text{Doanh thu thuần}) \times 100$ .

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần: Chi tiêu này phản ánh kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và cho biết cứ 100 đồng doanh thu thuần thì có bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần =  $(\text{Lợi nhuận sau thuế}/\text{Doanh thu thuần}) \times 100$ .

### **Rủi ro tài chính**

Để biết được mức độ rủi ro tài chính của DN, người ta thường sử dụng một số chỉ tiêu liên quan đến phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán của DN. Ngoài các chỉ tiêu trên thì ta còn sử dụng chỉ tiêu quan trọng khác sau đây:

Hệ số nợ trên tài sản =  $\text{Tổng số nợ}/\text{Tổng số tài sản}$ .

Chỉ tiêu này nói lên rằng, trong tổng tài sản hiện có của DN thì có bao nhiêu đồng do vay nợ mà có. Do vậy, hệ số này càng lớn và có xu hướng tăng, chứng tỏ rủi ro tài chính càng tăng và ngược lại.

Hệ số nợ trên tài sản ngắn hạn =  $\text{Nợ ngắn hạn}/\text{Tài sản ngắn hạn}$ .

Ý nghĩa của chỉ tiêu này cũng gần giống với ý nghĩa của chỉ tiêu trên, nhưng từ quan điểm của quản lý, nó cần được chú ý và quan tâm nhiều hơn do phạm vi của nó tạo ra.

Hệ số thu hồi nợ =  $(\text{Doanh thu Thuần}/\text{Số dư bình quân các khoản phải thu}) \times 100$ .

Chỉ tiêu này nói lên rằng, nếu doanh thu bán chịu, bán chậm càng giảm số dư nợ phải thu giảm đi thì hệ số thu nợ càng tăng và rủi ro tài chính càng giảm và ngược lại.

Thời hạn thu hồi nợ bình quân =  $(\text{Thời gian trong kỳ báo cáo}/\text{Hệ số thu hồi nợ}) \times 100$ .

Thời hạn trong kỳ báo cáo là đại lượng cố định do vậy thời hạn thu hồi nợ tùy thuộc vào hệ số thu hồi nợ. Như vậy, khi hệ số thu hồi nợ tăng, thời hạn thu hồi nợ sẽ giảm, rủi ro tài chính giảm và ngược lại.

Hệ số quay vòng hàng tồn kho =  $(\text{Trị giá vốn hàng xuất bán}/\text{Số dư bình quân hàng tồn kho}) \times 100$ .

Chỉ tiêu này nói lên rằng, việc rút ngắn chu kỳ sản xuất, sản xuất ra đến đâu bán hết đến đó, hoặc mua nhanh, bán nhanh thì giá trị hàng tồn kho sẽ giảm hợp lý, do vậy hệ số vòng quay sẽ tăng và rủi ro tài chính sẽ giảm và ngược lại.

Thời hạn quay vòng hàng tồn kho =  $(\text{Thời gian trong kỳ báo cáo}/\text{Hệ số quay vòng hàng tồn kho}) \times 100$ .

Như vậy, khi hệ số quay vòng hàng tồn kho càng

lớn và có xu hướng tăng lên, thì số ngày cần thiết cho một vòng quay càng nhỏ và có xu hướng càng giảm, khi đó rủi ro tài chính càng giảm và ngược lại.

Hệ số thanh toán lãi vay =  $(\text{Tổng lợi nhuận trước thuế}/\text{Chi phí lãi vay}) \times 100$ .

Chỉ tiêu này nói lên rằng, sản xuất kinh doanh càng có hiệu quả, lãi càng tăng thì hệ số thanh toán lãi vay càng tăng, rủi ro tài chính càng giảm và ngược lại

### **Các chỉ số đòn bẩy tài chính**

Đòn bẩy tài chính đề cập tới việc DN sử dụng nguồn tài trợ từ các khoản vay thay cho vốn cổ phần. DN càng nợ nhiều thì càng có nguy cơ cao mất khả năng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, dẫn tới xác suất phá sản và kiệt quệ tài chính cao. Tuy nhiên, nợ cũng là một dạng tài trợ tài chính quan trọng và tạo lợi thế lá chắn thuế cho DN do lãi suất tiền vay được tính như một khoản chi phí hợp lệ và miễn thuế.

Chỉ số nợ =  $\text{Tổng nợ}/\text{Tổng tài sản}$ .

Chỉ số nợ - vốn cổ phần =  $\text{Tổng nợ}/\text{Tổng vốn cổ phần}$ .

Số nhân vốn cổ phần =  $\text{Tổng tài sản}/\text{Tổng vốn cổ phần}$ .

Các chỉ số nợ cung cấp thông tin bảo vệ chủ nợ tình huống mất khả năng thanh toán của DN và thể hiện năng lực tiếp nhận các nguồn tài chính từ bên ngoài, đáp ứng nhu cầu đầu tư và phát triển của DN. Trên thực tế, giá trị kế toán của các khoản nợ có thể khác rất nhiều so với giá trị thị trường. Một số hình thức nợ không được thể hiện trên bảng cân đối kế toán như nghĩa vụ trả tiền hưu trí hay thuê tài sản.

Bao phủ lãi vay =  $\text{Thu nhập trước lãi vay và thuế}/\text{lãi vay}$ .

Chỉ số bao phủ lãi vay liên quan trực tiếp tới khả năng trả lãi vay của DN. Tuy nhiên, tính toán sẽ chính xác hơn khi cộng thêm khấu hao vào thu nhập và tính tới các khoản chi phí tài chính khác như trả gốc vay và thanh toán phí thuê tài sản.

Ngoài ra, trong chỉ tiêu phân tích BCTC, còn phải chú ý đến một số chỉ tiêu như: Cổ tức, thu nhập trên mỗi cổ phiếu, giá trên thu nhập của cổ phiếu, cổ tức trên thu nhập, cổ tức trên thị giá...

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Tài chính (2014), Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán DN;
2. GS., TS. Đặng Thị Loan (2012), Kế toán tài chính trong các DN, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội;
3. PGS., TS. Nguyễn Năng Phúc (2011), Giáo trình phân tích BCTC, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội;
4. PGS., TS. Nguyễn Văn Công (2009), Giáo trình Phân tích Kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.